

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/DSST

Ngày: 11/12/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và bà Hoàng Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 188/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Võ Tiến T, sinh năm 1963 và bà Trần Thị H, sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Năm N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 13/01/2014 vợ chồng ông S, bà H cho vợ chồng Ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H vay 250.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, thời hạn thanh toán là ngày 13/9/2014, lãi suất thỏa thuận là 3,5%/1 tháng, để đảm bảo cho khoản vay ông T và bà H có giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn

Huy K và bà Trần Thị Thanh T, được cấp GCNQSD số AP 070215, thửa đất số 33, tờ bản đồ độc lập, diện tích 212m², đất được cấp năm 2009, tọa lạc tại đường N1, tổ dân phố 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông cho ông S và bà H.

Sau khi vay, ông T và bà H đã trả lãi cho ông S và bà H được 12 tháng tiền lãi, số tiền trả mỗi tháng là 8.750.000 đồng, tính từ ngày 13/02/2014 đến ngày 13/01/2015. Vì lãi suất hai bên thỏa thuận được tính là 3,5%/tháng, vượt quá mức lãi suất quy định nên ông S và bà H đồng ý tính lãi suất 1%/tháng, số tiền trả lãi hằng tháng vượt quá 1% ông S và bà H đồng ý khấu trừ vào tiền gốc tại thời điểm trả lãi. Sau khi khấu trừ tiền gốc theo từng tháng, đến thời điểm tháng 02/2015, ông T và bà H còn nợ ông S và bà H số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc.

Từ tháng 01/2015 đến thời điểm khởi kiện (tháng 03/2020), với thời hạn là 5 năm 02 tháng nhưng ông S và bà H đồng ý chỉ tính thời hạn 05 năm, mức lãi suất 12%/năm, tổng số tiền lãi là: $(170.000.000 \times 12\%) \times 5 = 102.000.000$ đồng. Trong thời gian này, ông T và bà H có trả cho bà H và ông S số tiền 70.000.000 đồng, được chia thành 5 đợt vào năm 2018. Số tiền lãi còn lại tính đến tháng 03/2020 là $102.000.000 - 70.000.000 = 32.000.000$ đồng. Ngoài ra ông S và bà H yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện (ngày 06/3/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/12/2020) với thời hạn 09 tháng, mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 17.000.000 đồng.

Như vậy, ông S và bà H yêu cầu ông T và bà H phải trả tổng số tiền 219.000.000 đồng, trong đó 170.000.000 đồng tiền gốc và 49.000.000 đồng tiền lãi. Đối với GCNQSD đất mang tên ông K và bà T, hiện nay ông S và bà H đã giao nộp cho Công an huyện S để giải quyết trong một vụ án khác nên ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 13/01/2014, ông T và bà H có vay của ông S và bà H số tiền 250.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, thời hạn thanh toán là ngày 13/9/2014. Lãi suất thỏa thuận 3,5%/tháng. Số tiền này ông T và bà H vay giùm cho ông Nguyễn Huy K và bà Trần Thị Thanh T. Nay ông S và bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà H phải thanh toán số tiền 250.000.000 đồng thì bà H đồng ý. Tuy nhiên, vì điều kiện khó khăn nên bà H có nguyện vọng trả số tiền trên theo hình thức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc. Bà H không đồng ý trả lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Võ Tiến T trình bày:

Vào ngày 13/8/2011 vợ ông T và bà H có vay của ông S và bà H số tiền 250.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, thời hạn trả là 1 năm, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, số tiền này ông T và bà H vay giùm cho ông Nguyễn Huy K và bà Trần Thị Thanh T. Sau khi vay thì ông T và bà H trả lãi đầy đủ nhưng không có giấy tờ để chứng minh. Đến năm 2017 đã trả được 70.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay ông T và bà H còn nợ ông S và bà H số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc.

- Tại bản tự khai của bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà Tâm thừa nhận có vay số tiền 250.000.000 đồng của ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H. Hiện nay đã trả được số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ lại 180.000.000 đồng. Đối với việc giao GCNQSD

đất mang tên ông Khắc và bà Tâm cho ông S và bà H thì bà Tâm không biết việc này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy việc xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Trọng S và Nguyễn Thị H số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc và 32.000.000 đồng đến ngày khởi kiện và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H cư trú tại: Thôn 11, xã Năm N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 13/01/2014 ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H vay của ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H 250.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết tại Tòa án thì ông T, bà H cũng thừa nhận. Do đó quan hệ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 13/01/2014, ông T và bà H có vay của ông S và bà H số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 13/01/2015, ông T và bà H đã trả được số tiền 105.000.000 đồng với mức lãi suất 3,5%/tháng, với thời hạn 12 tháng. Tuy nhiên ông S và bà H đồng ý tính lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi còn thừa tại thời điểm trả lãi được trừ vào tiền gốc, cụ thể như sau:

STT	Ngày trả tiền	Số tiền gốc	Lãi suất 1%/tháng	Đã trả	Số tiền lãi vượt quá	Số tiền gốc chưa trả
01	13/02/2014	250.000.000	2.500.000	8.750.000	6.250.000	243.750.000
02	13/3/2014	243.750.000	2.437.500	8.750.000	6.312.500	237.437.500
03	13/4/2014	237.437.500	2.374.375	8.750.000	6.375.625	231.061.875

04	13/5/2014	231.061.875	2.310.619	8.750.000	6.439.381	224.622.494
05	13/6/2014	224.622.494	2.246.225	8.750.000	6.503.775	218.118.719
06	13/7/2014	218.118.719	2.181.188	8.750.000	6.568.812	211.549.906
07	13/8/2014	211.549.906	2.115.499	8.750.000	6.634.501	204.915.405
08	13/9/2014	204.915.405	2.049.154	8.750.000	6.700.846	198.214.559
09	13/10/2014	198.214.559	1.982.146	8.750.000	6.767.854	191.446.705
10	13/11/2014	191.446.705	1.914.467	8.750.000	6.835.533	184.611.172
11	13/12/2014	184.611.172	1.846.112	8.750.000	6.903.888	177.707.283
12	13/01/2015	177.707.283	1.777.073	8.750.000	6.972.927	170.734.356

Ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 13/01/2014 và 49.000.000 đồng tiền lãi, mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 14/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2020, trong đó đã khấu trừ số tiền lãi 70.000.000 đồng đã trả vào năm 2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H với số tiền 250.000.000 đồng, sau khi vay đã trả lãi đầy đủ với mức lãi suất 3,5%/tháng, đã trả lãi đầy đủ được 12 tháng. Hiện nay bà H thừa nhận còn nợ ông S và bà H số tiền 250.000.000 đồng và đồng ý trả dần theo tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, ông S và bà H không đồng ý với hình thức trả dần của bà H nên không chấp nhận.

Ông T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi đầy đủ từ ngày vay đến năm 2017, ngoài ra ông T và bà H còn trả 70.000.000 đồng tiền gốc, nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên lời khai của ông T không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Theo giấy vay tiền giữa hai bên lập ngày 13/01/2014 thì thời hạn vay là ngày 13/9/2014 ông T và Hiền phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông S và bà H. Nhưng vì đến hạn, ông T và Hiền không trả tiền cho ông S và bà H nên ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông S và bà H yêu cầu ông T và bà H phải trả số tiền đã vay là 170.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với 49.000.000 đồng tiền lãi ông S và bà H yêu cầu ông T và bà H phải thanh toán cho khoản vay trên. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ

luật dân sự thì mức lãi suất do ông S và bà H yêu cầu không vượt quá quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải trả cho ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H số tiền 219.000.000 đồng, trong đó 170.000.000 đồng tiền gốc và 49.000.000 đồng tiền lãi.

[5]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 070215, thửa đất số 33, tờ bản đồ độc lập, diện tích 212m², đất được cấp năm 2009, tọa lạc tại đường N1, tổ dân phố 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông mang tên Nguyễn Huy K và Trần Thị Thanh T. Hiện nay GCNQSD đất trên Công an huyện S đang thu giữ để giải quyết một vụ án khác, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 217, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H.

Buộc Ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H số tiền 219.000.000 đồng, trong đó 170.000.000 đồng tiền gốc và 49.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày Ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H không thi hành thì ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc Ông Võ Tiến T và bà Trần Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.950.000 đồng.

Hoàn trả Ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị H 8.740.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0001651 ngày 13 tháng 5 năm 2020.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Trọng Sơn